TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C, TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **102**/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 9 - 2017
V/v tranh chấp: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Sơn;

Ông Võ Văn Hoàng.

***- Thư ký phiên Tòa*:** Bà Đinh Quốc Hiếu – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 250/2017/TLST – HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 172/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên Tòa số: 92/2017/QĐST – HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Dương Thị Tú Q,** sinh năm 1982. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* **Phạm Thanh P**, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

ĐKTT: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở hiện nay: ấp D, xã E, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn đề ngày 22/5/2017, bản tự khai ngày 25/7/2017, và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Dương Thị Tú Q trình bày:*

Chị và anh Phạm Thanh P chung sống với nhau từ năm 2010 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Vang, huyện C, tỉnh Bến Tre vào năm 2010. Quá trình sống chung vợ chồng có hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh P có nhân tình bên ngoài, thường xuyên đi nhậu về gây chuyện đánh đập chị và nhiều lần xúc phạm chị, chị đã nhiều lần tha thứ nhưng anh P vẫn không thay đổi tính tình, nên chị và anh P đã ly thân từ ngày 13/5/2016, mặc dù sống chung một nhà nhưng mạnh ai nấy sống, không quan tâm lo lắng cho nhau. Hiện tại chị xác định không còn tình cảm với anh P nên yêu cầu được ly hôn với anh.

Về con chung: Có 03 con chung tên Phạm Dương Gia H, sinh ngày 08/12/2011; Phạm Bảo T, sinh ngày 11/5/2014, Phạm Dương Gia A, sinh ngày 11/12/2015; hiện con chung đang sống chung với chị. Trước đây chị yêu cầu để anh P được nuôi con chung. Nhưng tại phiên Tòa, chị xác định lại chị yêu cầu được nuôi 03 con chung và yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung là 650.000 đồng/tháng/01 cháu.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Đối với anh Phạm Thanh P là bị đơn, trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng anh đều vắng mặt, mặc dù anh vẫn còn sinh sống tại địa phương, nên không thu thập được lời khai của anh.

***** *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và ý kiến về nội dung giải quyết vụ án:*

- *Về thủ tục giải quyết vụ án:* Đối với Thẩm phán có chấp hành tốt theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã xét xử đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định.

Về thu thập chứng cứ: Theo đúng trình tự quy định của pháp luật.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Đảm bảo theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Những người tham gia tố tụng đối với nguyên đơn chấp hành tốt theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, có thực hiện theo nội quy phiên Tòa; riêng bị đơn vắng mặt tại phiên Tòa là chưa thực hiện theo định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục gởi Thông báo thụ lý vụ án: Vụ án thụ lý ngày 15/6/2017 nhưng đến ngày 26/6/2017 Tòa án mới gởi Thông báo thụ lý vụ án cho Viện Kiểm sát

và đến ngày 04/7/2017 Tòa án mới gởi cho bị đơn là vi phạm quy định tại Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với vi phạm trên chỉ là vi phạm nhỏ, không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án; nên chỉ kiến nghị Tòa án khắc phục trong thời gian tới.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:*

Về hôn nhân: xét thấy 02 vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẩn, anh P biết chị Q ly hôn nhưng vẫn không đến Tòa án giải quyết, xem như đã bỏ mặc cuộc hôn nhân này nên yêu cầu ly hôn của chị Q là có cơ sở.

Về con chung: Chị Q và anh P có 03 con chung, hiện do chị Q đang trực tiếp nuôi dưỡng, anh P chỉ thỉnh thoảng đến thăm. Khi Tòa án giải quyết anh P cũng không có ý kiến gì về việc nuôi con chung, hơn nữa trong số 03 con chung có 01 chung dưới 36 tháng tuổi. Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: chị Q yêu cầu cấp dưỡng 650.000 đồng/tháng/01 cháu là phù hợp quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, xét thấy đây là sự tự nguyện của chị Q và phù hợp với pháp luật.

Về nợ chung: Không có.

* Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q đối với anh P.

- Về con chung: Chấp nhận yêu cầu nuôi 03 con chung của chị Q. Buộc anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Q là 650.000 đồng/tháng/01 cháu.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét đến.

- Về nợ chung: Không có, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:*

[1]. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Thanh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử, nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt anh là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:*

[2].*Về quan hệ hôn nhân:* Chị Dương Thị Tú Q và anh Phạm Thanh P cưới nhau vào năm 2010 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Vang, huyện C, tỉnh Bến Tre theo đúng quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh P được công nhận hợp pháp.

[3]. Nay chị Q yêu cầu ly hôn với anh P. Anh P vắng mặt nên không có lời khai. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án trong đó có biên bản xác minh đối với trưởng ấp vào ngày 04/7/2017 cũng như lời khai của chị Q, xác định được cuộc sống vợ chồng của anh chị thường xuyên mâu thuẩn, anh P thường xuyên đi nhậu về gây chuyện đánh đập chị Q, dù chị nhiều lần tha thứ nhưng anh P vẫn không thay đổi và đã ly thân từ tháng 5/2016 cho đến nay, mỗi người đều có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai, giữa chị Q và anh P đã không còn quan tâm, chăm sóc đến cuộc sống của nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Hơn nữa, Toà án đã tiến hành mời anh P và chị Q để hoà giải, nhằm cho các bên có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh P vẫn vắng mặt không lý do, cho thấy anh P đã không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Điều đó, chứng tỏ hôn nhân của chị Q và anh P lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Q là có cơ sở và phù hợp theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Q đối với anh P.

- *Về con chung:*

[4]. Quá trình chung sống chị Q và anh P có 03 con chung tên Phạm Dương Gia H, sinh ngày 08/12/2011; Phạm Bảo T, sinh ngày 11/5/2014; Phạm Dương Gia A, sinh ngày 11/12/2015. Hiện 03 con chung đang do chị nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung.

[5]. *Hội đồng xét xử xét thấy:* Hiện 03 con chung đang do chị Q nuôi dưỡng. Khi Tòa án giải quyết anh P không có ý kiến gì về việc nuôi con chung, hơn nữa trong số 03 con chung của anh chị trong đó có 01 con chung tại thời điểm giải quyết dưới 36 tháng tuổi. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của 03 con chung, xét thấy từ trước đến nay 03 con chung đều do chị Q nuôi dưỡng, việc chị Q nuôi con chung vẫn phát triển bình thường và nhằm ổn định về tinh thần của con chung anh chị, cũng như xét thấy cháu Gia A dưới 36 tháng tuổi nên cần được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi 03 con chung của chị Q.

[6]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Q nuôi 03 chung, có yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật là 650.000 đồng/tháng/01 cháu. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu này là phù hợp với quy định tại Điều 82, 110, 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 vì anh P không trực tiếp nuôi con, phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và mức cấp dưỡng chị Q yêu cầu là theo quy định pháp luật;

nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Q mỗi tháng 650.000 đồng cho đến khi 03 con chung đủ 18 tuổi.

[7]. *Về tài sản chung:* Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[8]. *Về nợ chung:* Chị Q khai không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[9]. *Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở; và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

- *Về án phí*:

[10]. Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[11]. Án phí Hôn nhân sơ thẩm: Chị Dương Thị Tú Q phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

[12]. Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Thanh P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Dương Thị Tú Q và anh Phạm Thanh P.

Quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh P chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Phạm Dương Gia H, sinh ngày 08/12/2011; Phạm Bảo T, sinh ngày 11/5/2014; Phạm Dương Gia A, sinh ngày 11/12/2015 cho chị Dương Thị Tú Q trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Anh Phạm Thanh P phải đóng góp nuôi con với chị Dương Thị Tú Q số tiền 650.000 đồng/tháng/01 cháu (Sáu trăm năm mươi nghìn đồng một tháng đối với một cháu). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án 29/9/2017 cho đến khi 03 cháu Phạm Dương Gia H, Phạm Bảo T, Phạm Dương Gia A thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh P không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị Q trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Điều 116, Điều 119 của luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến.

4. Về nợ chung: Chị Q khai không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

5. Về án phí:

5.1. Án phí nhân sơ thẩm:

Chị Dương Thị Tú Q phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Q đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0005719 ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre. Như vậy, chị Dương Thị Tú Q đã nộp đủ án phí.

5.2. Án phí cấp dưỡng nuôi con:

Anh Phạm Thanh P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Dương Thị Tú Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Phạm Thanh P vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV - THA);
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã P (Số 13, Quyển 1/2010);
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Duyên